

Số: /QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Biểu mẫu báo cáo tại Điều 1 Quyết định này áp dụng đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh); Ban Tổ chức huyện ủy, thành ủy, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan của trung ương của tỉnh đóng trên địa bàn huyện, thành phố (sau đây gọi chung là phòng, ban, đơn vị cấp huyện); Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Trưởng phòng, ban, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng thẩm quyền và các biểu mẫu quy định.

3. Cục Thống kê tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và làm đầu mối tổng hợp biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp và báo cáo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (Thực hiện)
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
(Tổng cục Thống kê)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Tuyên Quang;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT-TH.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**
(Kèm theo Quyết định số 400 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu biên soạn Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

2. Phạm vi thống kê

- Số liệu báo cáo tổng hợp trong Hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về lĩnh vực chuyên môn được giao.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực của đơn vị mình, bao gồm thông tin thống kê của các đơn vị trực thuộc sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thuộc quyền quản lý của địa phương.

3. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Bộ phận thống kê trực thuộc Sở, ngành; Phòng, ban và Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực do Sở, ngành; Phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được giao quản lý.

4. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Bộ phận thống kê trực thuộc sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực do đơn vị mình đã được giao quản lý.

5. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số và phần chữ; phần số được đánh số tự nhiên 001, 002, 003,...; phần chữ được ghi chữ in viết tắt sao cho phù hợp với từng ngành hoặc lĩnh vực và kỳ báo cáo (Năm - N; Quý - Q; Tháng - T; Hồn hợp - H); lấy chữ T (Báo cáo Sở, ngành và các đơn vị tương đương) thể hiện cho hệ biểu báo cáo thống kê thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh (theo mã chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh); lấy chữ H (Báo cáo huyện và các đơn vị tương đương) thể hiện cho hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với các Phòng, ban

(theo mã chỉ tiêu thống kê cấp huyện); lấy chữ X thể hiện cho hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thành phố.

6. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các chỉ tiêu thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu thống kê (sau tên biểu báo cáo). Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm:

- a) Báo cáo thống kê tháng.
- b) Báo cáo thống kê quý.
- c) Báo cáo thống kê 6 tháng.
- d) Báo cáo thống kê 9 tháng.
- đ) Báo cáo thống kê năm.

e) Báo cáo thống kê đột xuất trong trường hợp khi có sự vật, hiện tượng đột xuất xảy ra: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các hiện tượng đột xuất khác. Ngoài ra còn có kỳ báo cáo khác nhau đã ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

7. Thời hạn nhận báo cáo

Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

Ngoài ra, tùy thuộc vào các lĩnh vực khác nhau có thời hạn nhận báo cáo khác nhau đã ghi cụ thể ở dòng ngày nhận báo cáo.

8. Phân ngành kinh tế, loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính

Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính Việt Nam sử dụng trong biểu mẫu báo cáo thống kê thực hiện theo quy định hiện hành.

9. Phương thức gửi báo cáo

Các đơn vị gửi báo cáo thống kê bằng văn bản (bản giấy) hoặc báo cáo điện tử qua Hệ thống phần mềm báo cáo điện tử đến Cục Thống kê tỉnh; Chi cục Thống kê các huyện, thành phố, khu vực theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị hoặc báo cáo điện tử (được ký số) để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

II. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (Gửi kèm theo)